

**SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN ĐKKV VỊ XUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BVĐKKV-KD
V/v mời chào giá thiết bị y tế, hóa chất,
vật tư xét nghiệm năm 2027 – 2028
(Lần 1)

Vị Xuyên, ngày 07 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp thiết bị y tế, hóa chất,
vật tư xét nghiệm.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 (sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15);;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ công văn số 189/BVĐKKV-KD, ngày 13/7/2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Vị Xuyên về việc xây dựng nhu cầu mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh từ 01/02/2027;

Căn cứ Biên bản số 38/BB-BVĐKKV ngày 06/8/2026 của Bệnh viện ĐKKV Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang, về việc xây dựng nhu cầu vật tư y tế, vật tư thay thế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế năm 2027 - 2028 phục vụ hoạt động khám chữa bệnh của đơn vị.

Bệnh viện đa khoa khu vực Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo giá, nguồn gốc, xuất xứ, thông số kỹ thuật của các mặt hàng, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm năm 2027 - 2028 tại Bệnh viện đa khoa khu vực Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa khu vực Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang.

- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược - VTTBYT (DS: Lê Thị Mai, Phó Trưởng khoa Dược - VTTBYT, điện thoại: 0982.490.988).

- Cách thức tiếp nhận báo giá: Thông qua đường bưu chính viễn thông hoặc Email (bản mềm qua địa chỉ Email).

- Địa chỉ: Khoa Dược - VTTBYT Bệnh viện đa khoa khu vực Vị Xuyên .
Thôn 7, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang.

- Điện thoại: 0982.490.988.

- Email: khoaduoc.bv vx@gmail.com.

2. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 07 tháng 8 năm 2026 đến trước 17h ngày 20 tháng 8 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

3. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 07 tháng 8 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm (Phụ lục đính kèm).

2. Yêu cầu báo giá: (Mẫu báo giá đính kèm)

3. Các thông tin khác (nếu có). Không

Bệnh viện đa khoa khu vực Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang trân trọng thông báo đến các Quý doanh nghiệp được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website bệnh viện, muasamcong.mpi.gov.vn;
- Lưu: VT, KD-VTTBYT.

GIÁM ĐỐC

Tạ Tiến Mạnh

PHỤ LỤC 1: VẬT TƯ Y TẾ, VẬT TƯ THAY THẾ, SINH PHẨM Y TẾ

(Kèm theo Công văn số: /BVĐKKV - KD ngày 07/8/2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang)

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Vật tư y tế			
1	Bông y tế thấm nước (túi 1kg)	Kg	150	
2	Bông cắt chưa tiệt trùng 2cm x 2cm (500g/gói)	Gói	350	
3	Băng bó Bột cỡ 10cm x 4,6m	Cuộn	432	
4	Băng bó Bột cỡ 15cm x 4,6m	Cuộn	432	
5	Băng bó Bột cỡ 20cm x 4,6m	Cuộn	72	
6	Băng bột sợi thủy tinh 7,5cm x 360cm	Cuộn	144	
7	Bông lót bó bột size 10cm x 2.7m	Cuộn	1.000	
8	Băng cuộn 10cm x 5m	Cuộn	7.000	
9	Băng dính cuộn vải lụa y tế 2.5cm x 5m	Cuộn	5.000	
10	Băng dính cuộn vải lụa y tế 5cm x 5m	Cuộn	5.000	
11	Băng dán có gạc vô trùng 2cm x 6cm	Cái/miếng	50.000	
12	Gạc hút y tế khổ 1.2m	Mét	5.000	
13	Gạc củ ấu sản khoa	Cái	150.000	
14	Gạc cầu sản khoa Fi 45 vô trùng	Cái	1.000	
15	Bông gạc đắp vết thương 10cm x 20cm	Cái	6.000	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
16	Bông gạc đắp vết thương 8cm x 15cm	Cái	14.000	
17	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng	Cái	100.000	
18	Gạc phẫu thuật không dệt 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp vô trùng	Cái	10.000	
19	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 8 lớp vô trùng	Cái	6.000	
20	Bơm cho ăn 50ml	Cái	2.000	
21	Bơm tiêm 50 ml sử dụng cho bơm tiêm điện	Cái	2.000	
22	Bơm tiêm Insulin 1 ml (100UI, 40UI)	Cái	50.000	
23	Bơm tiêm 1ml	Cái	3.000	
24	Bơm tiêm 5ml	Cái	200.000	
25	Bơm tiêm 10ml	Cái	180.000	
26	Bơm tiêm 20ml	Cái	90.000	
27	Kim cánh bướm các loại, các số	Cái	25.000	
28	Kim lấy máu, lấy thuốc các số	Cái	200.000	
29	Kim luồn tĩnh mạch trẻ em, sơ sinh	Cái	40.000	
30	Kim luồn mạch máu các loại,các cỡ có cánh, có cổng bơm thuốc	Cái	50.000	
31	Kim chọc dò gây tê tủy sống	Cái	1.500	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
32	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Cái	100.000	
33	Bộ dây truyền dịch kim cánh bướm các số	Bộ	150.000	
34	Bộ dây truyền máu	Bộ	100	
35	Dây nối bơm tiêm điện	Cái	4.000	
36	Khóa ba trạc có dây nối	Cái	5.000	
37	Găng cao su các loại, các cỡ (có bột)	Đôi	300.000	
38	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	Đôi	30.000	
39	Găng tay kiểm soát tử cung (dài) các số	Đôi	200	
40	Túi máu đơn 250ml	Túi	150	
41	Túi, bao gói tiệt trùng các loại, các cỡ (40cm*200m)	Cuộn	30	
42	Túi đựng nước tiểu	Chiếc	1.500	
43	Ống nghiệm chống đông EDTA-K3	Ống	80.000	
44	Ống nghiệm chống đông Tri-Na Citrate 9NC/3,8% 2ml	Ống	12.000	
45	Ống nghiệm chống đông Heparin	Ống	100.000	
46	Canuyn mayo (nhựa)	Cái	200	
47	Ống đặt nội khí quản có bóng số từ 2/0 đến 9/0	Cái	1.000	
48	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số	Cái	200	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
49	Sonde hút nhót các số	Cái	3.000	
50	Dây hút dịch phẫu thuật	Cái	450	
51	Ống thổi đo chức năng hô hấp giấy	Cái	3.000	
52	Dây thở oxy 2 nhánh	Cái	1.000	
53	Catheter tĩnh mạch trung tâm	Bộ	30	
54	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 2/0 dài 45 cm	Sợi	1.200	
55	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 3/0 75cm	Sợi	1.000	
56	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 5/0	Sợi	36	
57	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 6/0	Sợi	60	
58	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 7/0	Sợi	24	
59	Chỉ khâu liền kim Chromic Cutgut số 1 dài 75cm	Sợi	1.000	
60	Chỉ khâu liền kim Polyglycolic Acid số 1 dài 90cm	Sợi	1.500	
61	Chỉ khâu tiêu nhanh Polyglactine 910 số 1 dài 90cm	Sợi	1.200	
62	Chỉ tan nhanh Polyglactin 910 số 2/0 dài 90cm	Sợi	480	
63	Chỉ khâu liền kim Polyglactin 910 số 3/0 dài 75cm	Sợi	1.200	
64	Tay dao điện 3 giác cầm bằng thép không gỉ	Cái	300	
65	Lưỡi dao mổ vô trùng các số	Cái	2.500	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
66	Phim X-Quang số hóa 25cm x 30cm dùng cho máy in Trimax TX55	Hộp	40.000	
67	Phim X-Quang số hóa 25cm x 30cm dùng cho máy in DryView 5950	Hộp	40.000	
68	Phim X Quang DI-HL 35X43cm	Hộp	10.000	
69	Súng cắt trĩ	Cái	20	
70	Sonde Foley 2 nhánh cỡ số 12 - 24	Ống	1.300	
71	Sonde Nelaton các số	cái	100	
72	Chỉ thị hóa học kiểm soát quá trình tiệt khuẩn bằng hơi nước 1243A	Test/miếng	1.500	
73	Chỉ thị hóa học kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn y tế 3M	Test	960	
74	Băng keo chỉ thị nhiệt dùng cho tiệt khuẩn hơi nước	Cuộn	40	
75	Đè lưỡi gỗ tiệt trùng	Cái	10.000	
76	Điện cực tim nền xốp	Cái	1.000	
77	Clips cầm máu bằng titan size ML, L	Cái	1.000	
78	Mặt nạ xông khí dung	Cái	1.500	
79	Mask thở oxy	Cái	200	
80	Giấy điện tim 12 cần	Cuộn	150	
81	Giấy điện tim 6 cần	Cuộn	200	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
82	Giấy điện tim 6 căn không dòng kẻ K110 x 2 x 143sheet	Tập	300	
83	Giấy in máy đo chức năng hô hấp	Cuộn	100	
84	Giấy in monitor sản khoa	Tập/tập	100	
85	Giấy in siêu âm đen trắng	Cuộn	400	
86	Giấy in máy nước tiểu 57mm x 30m x 12mm	Cuộn	20	
87	Giấy in máy nước tiểu 50mm x 30m x 12mm	Cuộn	40	
88	Khẩu trang y tế 4 lớp	Cái	3.000	
89	Mũ giấy đã tiệt trùng	Cái	10.000	
90	Dây garo cao su 6cm x 200cm	Cái	50	
91	Lam kính	72 cái/Hộp	100	
92	Lam kính mài	72 cái/Hộp	15	
93	Nhiệt kế thủy ngân	Cái	500	
94	Hàm kẹp lưỡng cực	Cái	4	
95	Máy đo huyết áp cơ + Tai nghe tim phổi	Bộ	20	
96	Băng huyết áp, dùng cho máy mornitor	Cái	20	
97	Đèn hồng ngoại	Cái	20	
98	Bóng đèn hồng ngoại	Cái	20	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
99	Chổi rửa dụng cụ cỡ 15mm	Cái	20	
100	Chổi rửa dụng cụ cỡ 10mm	Cái	20	
101	Cốc đựng mẫu Hitachi - Hitachi Sample Cup 2.5ml	Cái	2.000	
102	Dây máy điện châm loại 4 giắc	Cái	400	
103	Đồng hồ ôxy	Cái	40	
104	Hộp an toàn	Cái	10	
105	Mask thở ambu	Cái	20	
106	Miếng dán máy điện xung	Đôi	500	
107	Vòng tay mẹ con	Cái	1.000	
108	Senso oxy dùng trong y tế OOM201	Cái	16	
II	Vật tư thay thế			
109	Đinh Kirschner nhọn 2 đầu chất liệu thép không gỉ	Cái	100	
110	Đinh Schanz chất liệu thép không gỉ	Cái	70	
111	Nẹp khóa bản hẹp các cỡ, Chất liệu Titanium	Cái	30	
112	Nẹp khóa bản rộng các cỡ, Chất liệu Titanium	Cái	20	
113	Nẹp khóa đầu dưới xương chày nén ép, các loại, các cỡ	Cái	5	
114	Nẹp khóa đầu trên xương đùi	Cái	5	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
115	Nẹp khóa mắt xích thẳng, 5 - 18 lỗ, vật liệu titanium	Cái	20	
116	Nẹp khóa nén ép cho thân xương đòn các loại các cỡ	Cái	30	
117	Nẹp xương đòn các loại các cỡ	Cái	20	
118	Nẹp mắt xích các loại, các cỡ	Cái	30	
119	Nẹp tăng áp bản hẹp	Cái	10	
120	Nẹp tăng áp bản rộng các cỡ	Cái	10	
121	Ống sáo chất liệu thép không gỉ	Cái	10	
122	Vít cứng Φ 2.0mm, dài các cỡ	Cái	20	
123	Vít cứng Φ 3,5mm, dài các cỡ	Cái	150	
124	Vít cứng Φ 4,5mm, dài các cỡ	Cái	50	
125	Vít khóa titanium 3.5 mm dài các cỡ	Cái	300	
III	Sinh phẩm Y tế			
126	Mỏ vệt dùng 1 lần		1.200	
127	Que lấy mẫu bệnh phẩm		1.000	
128	Bộ hóa chất nhuộm tế bào Pap (Gồm 3 dung dịch: Hematoxylin, OG6, EA50)	Bộ 3 chai 1 lít	2	
129	Nước javen (NaOCl)	lít	50	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
130	Phenol bão hòa	Chai 1 lít	4	
131	Polyaluminium clorid (chất keo dùng trong xử lý nước cấp và nước thải)	Kg	50	
132	Acid Peracetic (Chất khử trùng nước thải y tế)	lít	100	
133	Cloramin B	kg	50	
134	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế	Can	200	
135	Nước cất	lít	2.000	
136	Test thử xét nghiệm kháng nguyên HBsAg	Test	5.000	
137	Test thử xét nghiệm các type kháng thể virus HIV	Test	4.500	
138	Test thử ma túy 5 trong 1	Test	4.000	
139	Test thử nhanh phát hiện kháng thể virus viêm gan C	Test	5.000	
140	Test thử nhanh tiểu đường	Test	1.000	
141	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B	Test	3.000	
142	Viên nén khử khuẩn các bề mặt cứng	Viên	2.000	
143	Ống nghiệm thủy tinh	cái	2.000	
144	Ống nghiệm nhựa có nắp	Cái	4.000	
145	Huyết thanh mẫu Anti D(Rh1)IgMI	Lọ	5	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
146	Bộ nhuộm Lao	Bộ	3	
147	Bộ thuốc nhuộm Gram	Hộp	2	
148	Bộ nhuộm Giêm sa	Bộ	4	
149	Dầu Parafin vô khuẩn	Ống	1.500	
150	Vòi sô đa "Dùng để hấp thụ khí CO2 trong phòng chống độc"	Can	5	
151	Gel điện tim	Tube	50	
152	Gel siêu âm	Can	30	
153	Khí ÔXY bình (40 lít)	Bình	1.000	
154	Khí ÔXY bình (7 lít)	Bình	100	
155	Khí CO2	Bình	40	
156	Huyết thanh mẫu anti A, anti B, anti AB	Bộ	20	
157	Gel nội soi	Tube	30	
	Tổng cộng: 157 khoản			

PHỤ LỤC 2: HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM

(Kèm theo Công văn số: /BVĐKKV-KD ngày 07/8/2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang)

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Hoá chất vật tư dùng cho máy đông máu bán tự động Humaclot duo plus			
1	Hóa chất xét nghiệm Prothrombin Time (PT)	Hộp	100	
2	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT	Hộp	45	
3	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Hộp	75	
4	Hóa chất kiểm chuẩn	Hộp	12	
5	Hóa chất kiểm chuẩn	Hộp	12	
6	Hóa chất chuẩn	Hộp	2	
7	Dầu bảo trì máy xét nghiệm đông máu tự động HumaClot Pro	Hộp	1	
8	Dầu bôi trơn để bảo trì máy xét nghiệm đông máu tự động HumaClot Pro	Hộp	1	
9	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động HumaClot Pro	Hộp	25	
10	Dung dịch rửa máy	Hộp	40	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
11	Dung dịch rửa kim	Hộp	100	
II	Hóa chất vật tư dùng cho máy xét nghiệm huyết học celltac α + MEK-1305			
12	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để đo Hemoglobin	can	44	
13	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	can	17	
14	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	can	25	
15	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thường	lọ	30	
16	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để hiệu chuẩn máy	lọ	24	
17	Phin lọc cho máy huyết học	chiếc	25	
18	Dây bơm cho máy huyết học	chiếc	24	
19	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	can	61	
III	Hóa chất vật tư dùng cho máy huyết học tự động BC-6000			
20	Dung dịch pha loãng tương thích (DS Diluent)	Thùng	60	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
21	Dung dịch ly giải tương thích dùng (LD)	Hộp	13	
22	Dung dịch nhuộm huỳnh quang tương thích (FD)	Hộp	35	
23	Dung dịch ly giải hồng cầu, hemoglobin và các hợp chất khác tương thích (LH)	Hộp	7	
24	Dung dịch ly giải hồng cầu non và các hợp chất khác tương thích dùng (LN)	Hộp	12	
25	Dung dịch nhuộm huỳnh quang xét nghiệm hồng cầu non tương thích (FN)	Hộp	35	
26	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Lọ	30	
27	Dung dịch chuẩn, dùng xây dựng đường chuẩn định lượng các thành phần huyết học	Lọ	2	
28	Hoá chất kiểm chuẩn xét nghiệm thường quy tương thích	Lọ	20	
IV	Hóa chất vật tư dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động CA800			
29	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin	Hộp	20	
30	Thuốc thử xét nghiệm định lượng alpha-Amylase	Hộp	4	
31	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp	Hộp	5	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
32	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	Hộp	4	
33	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Canxi	Hộp	1	
34	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholesterol	Hộp	12	
35	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol	Hộp	1	
36	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL- Cholesterol	Hộp	3	
37	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức bình thường	Lọ	24	
38	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức bất thường	Lọ	24	
39	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	Hộp	15	
40	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	Hộp	15	
41	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GOT (AST)	Hộp	20	
42	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GPT (ALT)	Hộp	20	
43	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Protein toàn phần	Hộp	20	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
44	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglycerides	Hộp	10	
45	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea	Hộp	20	
46	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Acid Uric	Hộp	2	
47	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GGT	Hộp	2	
48	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK-MB	Hộp	2	
49	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK-NAC	Hộp	2	
50	Dung dịch rửa hệ thống dùng cho máy phân tích sinh hóa	Lọ	20	
51	Dung dịch rửa cuvet dùng cho máy phân tích sinh hóa (Axit)	Lọ	24	
52	Dung dịch rửa cuvet dùng cho máy phân tích sinh hóa (Kiềm)	Lọ	24	
53	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho máy phân tích sinh hóa	Lọ	15	
54	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CK-MB	Hộp	12	
55	Vật liệu kiểm soát mức bất thường xét nghiệm định lượng CK-MB	Hộp	18	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
56	Vật liệu kiểm soát mức bình thường xét nghiệm định lượng CK-MB	Hộp	18	
57	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	chiếc/ cái	4	
58	Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Chiếc	8	
V	Hoá chất vật tư dùng cho máy sinh hoá BS 600			
59	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Hộp	18	
60	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT	Hộp	15	
61	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT	Hộp	40	
62	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase	Hộp	6	
63	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct	Hộp	2	
64	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total	Hộp	4	
65	Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcium Arsenazo	Hộp	2	
66	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein Total	Hộp	18	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
67	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	Hộp	20	
68	Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-GT	Hộp	2	
69	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	Hộp	18	
70	Bộ Thuốc thử định lượng Cholesterol toàn phần	Hộp	12	
71	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides	Hộp	26	
72	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Hộp	20	
73	Hóa chất xét nghiệm định lượng Acid Uric	Hộp	2	
74	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol	Hộp	2	
75	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL Cholesterol	Hộp	2	
76	Hoá chất xét nghiệm nồng độ ethanol	Hộp	4	
77	Chất hiệu chuẩn Alcohol, mức bình thường	Hộp	12	
78	Chất hiệu chuẩn Alcohol, mức bất thường	Hộp	12	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
79	Hoá chất kiểm chuẩn thông thường cho các xét nghiệm thường quy	Hộp	6	
80	Hoá chất kiểm chuẩn bất thường cho các xét nghiệm thường quy	Hộp	6	
81	Hoá chất chuẩn cho các xét nghiệm thường quy	Hộp	12	
82	Hoá chất rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Chai	6	
83	Cuvet phản ứng bằng nhựa dùng nhiều lần	Cái	220	
84	Bóng đèn 20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Cái	8	
VI	Hóa chất vật tư dùng cho máy miễn dịch AFIAS			
85	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang định dạng catridge tất cả trong một, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động dòng AFIAS của Boditech, dùng để định lượng PSA	Hộp	21	
86	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang định dạng catridge tất cả trong một, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động dòng AFIAS của Boditech, dùng để định lượng AFP	Hộp	11	
87	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang định dạng catridge tất cả trong một, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động dòng AFIAS của Boditech, dùng để định lượng CEA	Hộp	25	
88	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang định dạng catridge tất cả trong một, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động dòng AFIAS của Boditech, dùng để định lượng HbA1c	Hộp	63	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
89	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang định dạng catridge tất cả trong một, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động dòng AFIAS của Boditech, dùng để định lượng beta HCG toàn phần	Hộp	21	
90	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang định dạng catridge tất cả trong một, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động dòng AFIAS của Boditech, dùng để định lượng TSH	Hộp	62	
91	Thuốc thử xét nghiệm định lượng NT-proBNP	Hộp	105	
92	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Tn-I	Hộp	40	
93	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang định dạng catridge tất cả trong một, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động dòng AFIAS của Boditech, dùng để định lượng T4	Hộp	47	
94	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang định dạng catridge tất cả trong một, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động dòng AFIAS của Boditech, dùng để định lượng T3	Hộp	62	
95	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang định dạng catridge tất cả trong một, sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động dòng AFIAS của Boditech, dùng để định lượng CRP	Hộp	159	
96	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động sử dụng catridge của Boditech, dùng kiểm tra các xét nghiệm nhóm ung thư ở 2 mức bình thường và bất thường	Hộp	20	
97	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động sử dụng catridge của Boditech, dùng kiểm tra các xét nghiệm nhóm hormone ở 2 mức bình thường và bất thường	Hộp	20	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
98	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động sử dụng cartridge của Boditech, dùng kiểm tra xét nghiệm HbA1c ở 2 mức bình thường và bất thường	Hộp	20	
99	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm Tn-I Plus	Hộp	24	
100	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng nhóm tim mạch	Hộp	24	
101	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động sử dụng cartridge của Boditech, dùng kiểm tra xét nghiệm CRP ở 2 mức bình thường và bất thường	Hộp	15	
VII	Hóa chất vật tư dùng cho máy miễn dịch CI 900i			
102	Thuốc thử xét nghiệm định lượng β -HCG	Hộp	8	
103	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng β -HCG	Hộp	8	
104	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	Hộp	2	
105	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	Hộp	2	
106	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT3	Hộp	20	
107	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	Hộp	20	
108	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	Hộp	26	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
109	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4	Hộp	26	
110	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	Hộp	26	
111	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Tg	Hộp	20	
112	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA125	Hộp	10	
113	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA19-9	Hộp	20	
114	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1	Hộp	20	
115	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cortisol	Hộp	10	
116	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-peptide	Hộp	10	
117	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng Cortisol, DHEA-S, Insulin, C-peptide	Hộp	10	
118	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Cortisol	Hộp	10	
119	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TnI	Hộp	17	
120	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA72-4	Hộp	10	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
121	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	Hộp	10	
122	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	Hộp	10	
123	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	Hộp	10	
124	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	Hộp	10	
125	Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng TnI, BNP, MYO, CK-MB	Hộp	10	
126	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng TnI, BNP, MYO, CK-MB	Hộp	10	
127	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Thùng	10	
128	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Thùng	30	
129	Hộp đựng cuvet dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	2	
130	Hóa chất rửa dùng cho máy xét nghiệm	Chai	10	
131	Hóa chất kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	Hộp	20	
132	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin I	Hộp	17	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
133	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA72-4	Hộp	10	
134	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1	Hộp	10	
135	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA125	Hộp	3	
136	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA19-9	Hộp	10	
137	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT3	Hộp	15	
138	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	Hộp	15	
139	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3	Hộp	26	
140	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T4	Hộp	26	
141	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	Hộp	26	
142	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Tg	Hộp	10	
VIII	Hóa chất vật tư dùng cho máy điện giải Exias e11			
143	Thuốc thử xét nghiệm định lượng 6 thông số điện giải	Hộp	30	

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
144	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 6 thông số điện giải	Ống	24	
145	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 6 thông số điện giải	Ống	24	
IX	Hóa chất vật tư dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu Combi Scan 500			
146	Que thử nước tiểu 11 thông số	Hộp	40	
X	Hoá chất vật tư dùng chomays nước tiểu Uritex 300			
147	Que thử nước tiểu 11 thông số	Hộp	350	
XI	Hoá chất vật tư dùng cho máy nước tiểu AutionIDaten 4070			
148	Que thử nước tiểu 10 thông số	Hộp	240	
	Tổng cộng: 148 khoản			

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện đa khoa khu vực Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang

BÁO GIÁ(1)

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế:

STT	Mã hàng hóa ⁽²⁾	Danh mục hàng hóa ⁽³⁾	Tên thương mại của thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm	Tên vật tư y tế theo QĐ 5086/QĐ-BYT (Nếu có)	Mã vật tư y tế theo QĐ 5086/QĐ-BYT	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Ký hiệu, mã hiệu, nhãn hiệu, model	Số lưu hành	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng ⁽⁴⁾	Đơn giá ⁽⁵⁾ (VND)	Thành tiền (VND)	Đơn giá (VND)	Thành tiền ⁽⁶⁾ (VND)	Thông tin đã trúng thầu ⁽⁹⁾	
																Đơn giá trúng thầu tham khảo	Quyết định, ngày tháng năm, nơi trúng thầu
1		Thiết bị A															
n		...															

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực: trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại Mục I - Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp(10)

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã hàng hóa theo phụ lục mời báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên hàng hóa theo phụ lục mời báo giá.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm.

(6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm hoặc toàn bộ thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm hoặc toàn bộ thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm. Đối với các thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá. Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).

(9) Ghi rõ đơn giá trúng thầu tham khảo và số quyết định trúng thầu, ngày tháng năm quyết định, nơi trúng thầu.

(10) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.